

Năm 2007 là năm đầu tiên VN gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) với thế và lực mới, uy tín trên trường quốc tế ngày một tăng cao. VN đã và đang nắm bắt được cơ hội do việc gia nhập WTO mang lại để phát triển toàn diện hơn trên nhiều lĩnh vực như thu hút đầu tư, xuất khẩu, tài chính ngân hàng ... Bên cạnh những thuận lợi, kinh tế - thương mại trong nước cũng gặp không ít khó khăn trước những bất ổn kinh tế thế giới, giá hàng hoá thế giới, giá nhập khẩu nhiều loại vật tư tăng cao đã tạo sức ép tăng giá nhiều mặt hàng trong nước. Ngoài ra, những tác động nặng nề do lạm phát tăng cao, thiên tai hạn hán, bão lũ gây ra ở nhiều vùng trong cả nước, dịch bệnh gia súc gia cầm phát tán trên qui mô lớn ... cũng tạo ra không ít thách thức đối với nền kinh tế trong cả năm 2007.



Triển lãm xe máy nhập khẩu - Ảnh Hòa Tấn

Tuy nhiên, với sự nỗ lực của toàn xã hội, sự chỉ đạo điều hành hiệu quả của Nhà nước, kinh tế nước ta tiếp tục đạt được những thành công trong năm 2007: tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 8,5%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Tỷ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng từ 41% năm 2006 lên 41,8% năm 2007; khu vực dịch vụ tăng từ 40,3% lên 40,4%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 18,7% xuống còn 17,8%. Trong đó, thành công trong thu hút đầu tư nước ngoài (20,3 tỷ USD) và sự phát triển mạnh của thương mại (tổng kim ngạch XNK đạt 111,2 tỷ USD) được nhiều chuyên gia kinh tế đánh giá là những nhân tố quan trọng góp phần vào những thành công của kinh tế năm 2007. Trong bài này sẽ

tập trung phân tích kết quả xuất nhập khẩu năm 2007, chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu và các giải pháp chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu và hạn chế nhập siêu.

I. Thực trạng xuất nhập khẩu năm 2007

1. Xuất khẩu năm 2007

Năm 2007, hoạt động xuất khẩu đã đạt được một số kết quả như sau:

Kim ngạch xuất khẩu cả năm đạt 48,56 tỷ USD, tăng 21,9% so với năm 2006, vượt 3,9% so với kế hoạch Chính phủ đặt ra là 46,76 tỷ USD. Kim ngạch của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 56,9% kim ngạch xuất khẩu của cả nước, đạt 27,9 tỷ USD, tăng 21% so với năm 2006, của khu vực doanh nghiệp 100% vốn trong nước đạt 20,6 tỷ USD tăng 22,85% so với năm 2006. Về giá trị, kim ngạch xuất khẩu năm 2007 tăng

**Xuất nhập khẩu,
vấn đề nhập siêu
và chuyển dịch
cơ cấu
xuất khẩu
của VN**

PGS. TS. NGUYỄN VĂN LỊCH
Viện trưởng Viện Nghiên cứu
Thương mại - Bộ Công thương

8,7 tỷ USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm thủy sản tăng 1,7 tỷ USD, nhóm nhiên liệu, khoáng sản tăng 0,3 tỷ USD, nhóm công nghiệp và thủ công mỹ nghệ tăng 5,1 tỷ USD và nhóm hàng khác tăng 1,26 tỷ USD.

Về mặt hàng xuất khẩu, 11 mặt hàng và nhóm hàng có kim ngạch từ 1 tỷ USD trở lên là thủy sản, gạo, cà phê, cao su, dầu thô, than đá (999,8 triệu USD), dệt may, giày dép, điện tử và linh kiện máy tính, sản phẩm gỗ và sản phẩm cơ khí. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực có khối lượng giảm so với năm 2006 như: Dầu thô đạt 15,1 triệu tấn, thấp hơn cùng kỳ 8,3%. Hạt tiêu đạt 83 ngàn tấn, thấp hơn cùng kỳ 28,9%; gạo đạt 4,56 triệu tấn, thấp hơn cùng kỳ 1,8%. Những mặt hàng chủ lực có lượng xuất khẩu tăng khá so với năm 2006 gồm: Cà phê

tăng 25,3%; nhân điều tăng 20,7%; chè tăng 8,9%; than tăng 9%.

Những mặt hàng chủ lực có trị giá xuất khẩu tăng cao so với năm 2006 gồm: Gạo tăng 16,8%; cà phê tăng 57,1%; hạt tiêu tăng 42,3%; nhân điều tăng 29,8%; hàng dệt may tăng 32,8%; điện tử và linh kiện máy tính tăng 26,1%; sản phẩm gỗ tăng 24,4%; sản phẩm nhựa tăng 48,1%; dây điện và cáp điện tăng 25,3%; túi xách, va li, mũ ô dù tăng 26%; và đặc biệt sản phẩm cơ khí có mức tăng mạnh nhất là 120%.

Một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực do giá thế giới tăng mạnh nên về mặt trị giá tăng khá so với năm 2006 như: cà phê tăng 57,1% mặc dù lượng xuất khẩu chỉ tăng 25,3%; hạt tiêu tăng 42,3% trong khi đó lượng giảm 28,9% ...

Một số đánh giá về xuất khẩu năm 2007

Về thành tựu:

- Quy mô và tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu tiếp tục được duy trì ở mức cao, các chỉ tiêu đặt ra về tăng trưởng xuất khẩu đều đạt và vượt, đặc biệt có một số chỉ tiêu đã vượt khá cao.

- Cơ cấu hàng hoá xuất khẩu đã có những chuyển dịch tích cực theo hướng tăng dần tỷ trọng nhóm hàng chế biến, chế tạo, nhóm hàng có hàm lượng công nghệ và chất xám cao, giảm dần xuất khẩu hàng thô. Nhóm hàng có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao và giá trị xuất khẩu lớn là nhóm hàng công nghiệp và chế biến như: thủy sản, dệt may, giày dép, hàng điện tử và linh kiện điện tử, sản phẩm gỗ ... Nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu cao hơn nhiều so với mục tiêu đặt ra là cà phê, hạt tiêu, sản phẩm nhựa.

- Các chủ thể tham gia xuất khẩu không ngừng được mở rộng, đa dạng hoá và hoạt động ngày càng hiệu quả, đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân và khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vẫn chiếm tỷ trọng lớn và là động lực quan trọng đối với tăng trưởng xuất khẩu của cả nước.

Về hạn chế:

- Quy mô xuất khẩu vẫn còn nhỏ bé, kim ngạch xuất khẩu bình quân đầu người còn thấp so với các nước trong khu vực và trên thế giới (xuất khẩu bình quân đầu người của Singapore là 60.600 USD/người, Malaysia 5.890 USD/người, Thái Lan 1.860 USD/người, Philippines 546 USD/người và VN 473 USD/người).

- Xuất khẩu tăng trưởng nhanh nhưng chưa vững chắc và rất dễ bị tổn thương bởi các cú sốc từ bên ngoài như sự biến động giá cả trên thị trường thế giới hay sự

xuất hiện của các rào cản thương mại mới của nước ngoài.

- Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chưa hợp lý, thể hiện trên cả ba phương diện: Chúng loại hàng hoá xuất khẩu còn đơn điệu, chậm xuất hiện những mặt hàng xuất khẩu mới có kim ngạch lớn; các mặt hàng xuất khẩu có giá trị gia tăng còn thấp. Xuất khẩu chủ yếu vẫn phụ thuộc vào các mặt hàng như khoáng sản (dầu thô, than đá), nông, lâm, thủy, hải sản, trong khi các mặt hàng công nghiệp như dệt may, da giày, điện tử và linh kiện máy tính, chủ yếu vẫn còn mang tính chất gia công; quá trình chuyển dịch cơ cấu mặt hàng xuất khẩu theo hướng công nghiệp hoá diễn ra chậm và chưa có giải pháp cơ bản, triệt để.

- Khả năng chủ động nắm bắt những cơ hội thuận lợi để thâm nhập và khai thác các thị trường xuất khẩu còn nhiều hạn chế. Chưa tận dụng triệt để lợi ích từ việc gia nhập WTO, các hiệp định thương mại song phương và khu vực đã ký kết giữa VN và các đối tác để khai thác hết tiềm năng của các thị trường lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc ...

- Hoạt động của mạng lưới đại diện, đặc biệt về thương mại ở nước ngoài còn nhiều yếu kém, chưa thực sự hỗ trợ tốt cho xuất khẩu, các chương trình XTTM nhỏ lẻ, rời rạc hiệu quả chưa cao.

- Thị trường xuất khẩu tăng trưởng không đều, trong khi thị trường ASEAN, EU, Mỹ tăng khá cao thì một số thị trường quan trọng khác tăng chậm hoặc giảm như Trung Quốc, Nhật và Úc.

2. Nhập khẩu và nhập siêu năm 2007

Tổng kim ngạch nhập khẩu năm 2007 đạt 62,68 tỷ USD, tăng 39,6% so với năm 2006, trong đó doanh nghiệp 100% vốn trong nước nhập khẩu 40,9 tỷ USD, tăng 44,2% và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu 21,7 tỷ USD, tăng 31,7%.

Nhập siêu cả năm 2007 là 14,1 tỷ USD với tỷ lệ nhập siêu/xuất khẩu là 29%, bằng 2,5 lần năm 2006 (11,5%). Đây là mức nhập siêu cao so với cùng kỳ nhiều năm qua và do các nguyên nhân sau đây:

- Kinh tế tiếp tục tăng trưởng cao, đầu tư tăng mạnh

Tăng trưởng kinh tế cả năm đạt 8,5% so với mức tăng trưởng của năm 2006 là 8,17%. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) năm 2007 đạt kết quả vượt trội với tổng số vốn đăng ký là 17,65 tỷ USD với 1.406 dự án được cấp phép. Nếu tính cả số vốn bổ sung đã cấp phép năm trước thì tổng số vốn FDI năm 2007 là 20,3 tỷ USD, tăng 69% so với năm 2006 và vượt 56% kế hoạch cả năm. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 462 nghìn tỷ

đồng, tăng 15,8% so với năm 2006; trong đó, khu vực ngoài nhà nước chiếm 40,7%, tăng 25%. Nhập khẩu máy móc, thiết bị, phụ tùng đạt 11,1 tỷ USD, tăng 67,8%, xăng dầu 7,7 tỷ USD, tăng 29,1%, sắt thép 5,1 tỷ USD, tăng 74,1%, vải 3,96 tỷ USD (chủ yếu là để gia công), tăng 32,6%, hàng điện tử - máy tính và linh kiện 2,96 tỷ USD (chủ yếu là để phục vụ sản xuất), tăng 44,4%, chất dẻo 2,5 tỷ USD, tăng 34,4%, nguyên phụ liệu dệt may - da giày 2,2 tỷ USD, tăng 10,3%, hoá chất 1,47 tỷ USD, tăng 40,7%, sản phẩm hoá chất 1,3 tỷ USD, tăng 27,6%, thức ăn gia súc và nguyên liệu 1,18 tỷ USD, tăng 60,2%, đồ gỗ và nguyên phụ liệu 1,0 tỷ USD, tăng 31,1%.

Ngoài ra, việc nhập khẩu máy móc thiết bị và nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất cho các công trình trọng điểm quốc gia cũng ở mức cao như máy bay, máy móc cho Tổ hợp khí điện đạm Cà Mau, thiết bị dầu khí, thiết bị cho các nhà máy xi măng, đóng tàu ...

- Giá và lượng một số mặt hàng nguyên nhiên vật liệu nhập khẩu tăng:

+ Nhập siêu do giá tăng

Giá cả một số mặt hàng nguyên nhiên vật liệu trên thị trường thế giới tăng mạnh so với năm trước đã góp phần làm cho kim ngạch nhập khẩu năm 2007 tăng cao, cụ thể: giá thép thành phẩm tăng bình quân 129 USD/tấn, (làm tăng thêm 728 triệu USD), phôi thép tăng 150 USD/tấn (tăng 309 triệu USD), phân bón tăng 43,5 USD/tấn (tăng 165 triệu USD), chất dẻo tăng 132 USD/tấn (tăng 219 triệu USD), sợi các loại tăng 143 USD/tấn (tăng 61 triệu USD), kim loại thường khác tăng 364 USD/tấn (tăng 158 triệu USD), lúa mì tăng 102 USD/tấn (tăng 133 triệu USD), xăng dầu tăng 67,6 USD/tấn (tăng 868 triệu USD), giấy các loại tăng 43,6 USD/tấn (tăng 37 triệu USD). Chỉ tính riêng 9 mặt hàng này do giá tăng đã làm kim ngạch nhập khẩu tăng thêm khoảng 2,7 tỷ USD.

+ Nhập siêu do lượng tăng

Do nhu cầu sản xuất và tiêu thụ trong nước tăng nên nhiều mặt hàng có lượng nhập khẩu tăng so với năm 2006 như: xăng dầu nhập khẩu tăng 11,5% dẫn đến kim ngạch nhập khẩu tăng 982 triệu USD; thép thành phẩm tăng do lượng là 1,34 tỷ USD; phôi thép tăng 61 triệu USD; phân bón tăng 178 triệu USD; sợi các loại tăng 149 triệu USD; chất dẻo tăng 462 triệu USD; kim loại



Hàng điện tử gia dụng nhập khẩu - Ảnh Hòa Tấn

thường khác tăng 292 triệu USD. Tổng cộng 7 mặt hàng này do tăng về lượng đã làm kim ngạch nhập khẩu tăng thêm 3,46 tỷ USD.

Bên cạnh đó, một số mặt hàng tăng chưa cụ thể hoá do giá và lượng là: Linh kiện điện tử tăng 910 triệu USD; máy móc thiết bị phụ tùng tăng 4,5 tỷ USD; hoá chất tăng 424 triệu USD; nguyên phụ liệu dệt may, giày dép tăng 201 triệu USD; vải tăng 972 triệu USD; Gỗ và nguyên liệu tăng 241 triệu USD; thức ăn gia súc và nguyên liệu tăng 444 triệu USD. Tổng cộng 7 mặt hàng này đã làm kim ngạch nhập khẩu tăng thêm 7,7 tỷ USD.

Nhìn chung, tổng giá trị tăng thêm do giá và lượng khoảng 13,86 tỷ USD. Kim ngạch nhập khẩu tăng đều tập trung vào các mặt hàng nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất và xuất khẩu. Nhập khẩu hàng tiêu dùng chiếm tỷ trọng nhỏ, chỉ khoảng 3% kim ngạch nhập khẩu.

- Tốc độ tăng xuất khẩu thấp hơn tốc độ tăng nhập khẩu. Nguyên nhân là do lượng xuất khẩu các mặt hàng nông lâm sản ngày càng có xu hướng chững lại bởi hạn chế về diện tích, năng suất và sản lượng, thời tiết bất thường xảy ra, yêu cầu bảo vệ môi trường sinh thái ... Mặt khác, dầu thô là mặt hàng xuất khẩu chủ lực lại giảm 8,3% về lượng làm kim ngạch xuất khẩu bị ảnh hưởng lớn.

- Ảnh hưởng của việc cắt giảm thuế và nhu cầu tiêu dùng, sức mua trong nước tăng cao đối với hàng hoá nhập khẩu trong năm 2007 cũng đã góp phần làm cho kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng như nguyên liệu dệt may, giày dép, ô tô và linh kiện ô tô, điện tử, nông sản thực phẩm ... tăng.

Mặc dù chúng ta đã cắt giảm thuế nhiều mặt hàng,

nhưng nhập khẩu hàng tiêu dùng chỉ tăng với giá trị tuyệt đối nhỏ, chiếm tỷ trọng thấp trong tổng kim ngạch nhập khẩu do đa số các mặt hàng tiêu dùng phổ thông đã được sản xuất trong nước, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng. Lượng hàng tiêu dùng nhập khẩu khoảng 2 tỷ USD, chiếm tỷ trọng khoảng 3% kim ngạch nhập khẩu.

- Tỷ giá hối đoái đã tác động không nhỏ đến kết quả hoạt động xuất nhập khẩu. Đồng EURO và một số ngoại tệ khác tăng giá so với đồng USD đã làm ảnh hưởng đến kim ngạch nhập khẩu từ khu vực này. Hàng hoá nhập khẩu từ EU, đặc biệt là máy móc thiết bị được ký hợp đồng từ trước bằng EURO nhưng do EURO tăng giá đã làm kim ngạch nhập khẩu tính bằng USD. Đây là một trong những lý do làm tăng kim ngạch nhập khẩu từ EU lên 24% so với năm 2006.

Xét theo thị trường nhập khẩu, VN có thâm hụt thương mại duy nhất với châu Á và thặng dư thương mại với tất cả các châu lục khác. Năm 2007, thâm hụt thương mại với châu lục này lên trên 29 tỷ USD, tăng gấp 1,6 lần so với năm 2006. Trong đó, nhập siêu với Trung Quốc là 9,1 tỷ USD, gấp hơn 2 lần năm ngoái; nhập siêu với Đài Loan là 5,8 tỷ USD, tăng 50%; Singapore là 5,4 tỷ USD, tăng 16,5%; Hàn Quốc 4,1 tỷ USD, tăng 34,8%; Thái Lan 2,7 tỷ USD, tăng 26,5%. VN nhập siêu lớn từ các nước này do hàng hoá của các nước này có sức cạnh tranh cao hơn và phù hợp về cơ cấu mặt hàng tiêu dùng, sản xuất và xuất khẩu của VN. Mặt khác, ngay cả đối với những thị trường VN vốn xuất siêu như Mỹ, EU thì năm 2007 nhập khẩu của VN từ những thị trường này cũng tăng cao (Mỹ 73%, EU 66%) do thực hiện các cam kết giảm thuế và tác động của việc tăng giá đồng Euro.

II. Chuyển dịch cơ cấu hàng hoá xuất khẩu

Từ năm 1995 đến nay, cơ cấu hàng hoá xuất khẩu đã chuyển dịch theo xu hướng tích cực: Tăng tỷ trọng hàng hoá xuất khẩu chế biến, giảm tỷ trọng hàng thô, sơ chế; tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến, giảm tỷ trọng hàng nông, lâm, thủy sản; tăng tỷ trọng hàng xuất khẩu khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, và khu vực kinh tế tư nhân, giảm tỷ trọng xuất khẩu khu vực kinh tế nhà nước. Tuy nhiên, có thể dễ dàng nhận thấy là tốc độ chuyển dịch còn chậm, trong 5 năm trở lại đây không có sự thay đổi đáng kể, đột phá trong chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu.

- Chuyển dịch cơ cấu hàng theo nhóm hàng: Tỷ trọng nhóm hàng nông, lâm, thủy sản đã giảm đáng kể từ 46,3% năm 1995 xuống còn khoảng 23,7% năm 2007. Trong khi đó, tỷ trọng xuất khẩu nhóm hàng công

nghiệp nặng và khoáng sản tăng từ 25,3% năm 1995 lên 36,2% năm 2007. Tỷ trọng nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng từ 28,4% năm 1995 lên 40,1% năm 2007. Đây là xu hướng chuyển dịch tích cực, phù hợp với xu hướng chung của thế giới. Tuy nhiên, từ năm 2004 trở lại đây, cơ cấu xuất khẩu không có sự thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng xuất khẩu hàng chế biến.

Bảng 1: Cơ cấu xuất khẩu của VN thời kỳ 1995 - 2007 (%)

	Công nghiệp nặng và khoáng sản	Công nghiệp nhẹ và TTCN	Nông, lâm, thủy sản
1995	25,3	28,4	46,3
1996	28,7	29,0	42,3
1997	28,0	36,7	35,3
1998	27,9	36,6	35,5
1999	31,3	36,3	32,4
2000	35,6	34,3	30,1
2001	34,9	35,7	29,4
2002	32,3	37,6	30,1
2003	32,2	42,7	25,1
2004	36,4	41,0	22,6
2005	36,0	41,0	23,0
2006	35,2	40,7	24,1
2007*	36,2	40,1	23,7

Nguồn: Tổng cục Thống kê; *Năm 2007 là số liệu ước tính.

- Chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu theo tiêu chuẩn ngoại thương (SITC) [1]: Từ năm 1995 đến 2007, chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu theo mức độ chế biến của VN chưa có sự thay đổi lớn. Tỷ trọng hàng xuất khẩu chế biến trong tổng kim ngạch xuất khẩu tăng không đáng kể, từ 45,4% năm 1995 lên 50,7% năm 2007. Điều đáng chú ý là mức tăng ít và không ổn định, trong 13 năm chỉ tăng thêm 5,3 %, và đặc biệt trong 3 năm gần đây gần như không thay đổi.

Bảng 2: Trị giá hàng hoá xuất khẩu năm 1995 - 2007 (phân loại theo SITC) (%)

Năm	Hàng thô hay mới sơ chế	Hàng chế biến
1995	54,6	45,4
1996	47	53,0
1997	42,4	57,6
1998	42,1	57,9
1999	51,9	48,1
2000	55,8	44,2
2001	53,3	46,7

2002	51,3	48,7
2003	46,6	53,3
2004	47,4	52,6
2005	49,6	50,4
2006	47,8	51,2
2007*	49,3	50,7

Nguồn: Tổng cục Thống kê; * Năm 2007 là số liệu ước tính.

- Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo thành phần kinh tế: Cơ cấu xuất khẩu đã có sự chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng giảm tỷ trọng khu vực kinh tế trong nước, tăng tỷ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Khu vực có vốn FDI từ chỗ chỉ chiếm 27% tỷ trọng xuất khẩu năm 1995, đến năm 2007 đã chiếm tỷ trọng 56,9%. Một điều cần nhấn mạnh là khu vực FDI chỉ chiếm khoảng 15 - 17% tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong những năm gần đây. Như vậy có thể nói khu vực FDI hiện nay đang đại diện cho xu hướng công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu. Trên 90% hàng xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI là hàng công nghiệp.

Bảng 3: Cơ cấu hàng hoá xuất khẩu theo thành phần kinh tế

	Khu vực kinh tế trong nước	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài
1995	73,0	27,0
1996	70,3	29,7
1997	65,0	35,0
1998	65,7	34,3
1999	59,4	40,6
2000	53,0	47,0
2001	54,8	45,2
2002	52,9	47,1
2003	49,6	50,4
2004	45,3	54,7
2005	42,8	57,2
2006	42,2	57,8
2007	43,1	56,9

Nguồn: Tổng cục Thống kê; * Năm 2007 là số liệu ước tính.

- Cơ cấu xuất khẩu VN theo một cách nhìn mới: Để thấy được mức độ chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu theo hướng công nghiệp hoá, gia tăng giá trị và xu hướng hiện đại hoá, theo cách tiếp cận mới, chúng tôi tách hàng xuất khẩu khoáng sản ra khỏi nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản; tách hàng dệt may và giày da ra khỏi hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp và nhập chúng vào nhóm hàng nông, lâm, thủy sản. Vì về thực chất, nhóm hàng khoáng sản là hàng thô, nhóm hàng dệt may và da giày là nhóm hàng có giá

trị gia tăng thấp, tỷ lệ nguyên liệu nhập khẩu cao. Những nhóm hàng này có thể coi như hàng thô và sơ chế. Trong những năm gần đây, tỷ trọng của nhóm hàng này chiếm khoảng 50% tổng kim ngạch xuất khẩu. Như vậy, tỷ trọng xuất khẩu hàng thô, sơ chế, giá trị gia tăng thấp của VN lên tới trên 70%.

Theo cách tiếp cận này cho thấy rõ xu hướng mất cân xứng rất lớn trong cơ cấu hàng xuất khẩu, gây ảnh hưởng rất lớn đến chiến lược hướng về xuất khẩu của VN trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Qua phân tích cho thấy VN đang ở điểm xuất phát của Malaysia, Indonesia và Thái Lan trong thời kỳ đầu cuối thập kỷ 70. Nói một cách khác, đằng sau những con số thể hiện sự tăng trưởng trung bình khá ấn tượng của xuất khẩu trong thời kỳ 1995 - 2007, có thể nhận thấy rằng xuất khẩu của VN trong hơn một thập kỷ vừa qua vẫn chưa có những sự thay đổi nhiều về chất.

Như vậy, cơ cấu xuất khẩu của VN trong hơn 20 năm qua chưa thể hiện rõ nét xu hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Thể hiện rõ nhất là tỷ trọng hàng thô, sơ chế, giá trị gia tăng thấp còn cao (khoảng 70%). VN mới tận dụng được lợi thế so sánh sẵn có để phát triển xuất khẩu mà chưa khai thác được lợi thế cạnh tranh để phát triển những mặt hàng có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn. Xét theo khía cạnh đó, xuất khẩu của VN trong những năm qua mới chỉ mang ý nghĩa tích cực trong việc tạo ra công ăn việc làm, chưa thay đổi về căn bản hiện trạng công nghiệp xuất khẩu của VN, chưa tạo được những ngành công nghiệp gắn kết với nhau để cùng hướng về xuất khẩu và tạo ra giá trị gia tăng ngày càng lớn. Xu hướng chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu hiện nay của VN chưa thật sự thúc đẩy quá trình hình thành một cơ cấu đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường hiện đại, có năng lực hội nhập kinh tế quốc tế.

Với cơ cấu xuất khẩu như hiện nay, VN rất khó khăn trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao, ở vào thế bất lợi trong cạnh tranh quốc tế, giải quyết các vấn đề như nhập siêu, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

III. Một số giải pháp chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu và hạn chế nhập siêu

1. Nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu

Chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu theo hướng gia tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến dựa vào lợi thế về qui mô, đồng thời nhanh chóng chuyển sang phát triển các ngành sản xuất xuất khẩu dựa vào vốn và kỹ

thuật cao để gia tăng giá trị. Trong giai đoạn từ nay đến 2010 tập trung phát triển các ngành kinh tế sử dụng nhiều lao động. Từng bước xây dựng nền tảng để phát triển những ngành kinh tế dựa vào công nghệ cao và trí thức, đặc biệt chú trọng phát triển các ngành dịch vụ như thông tin, tài chính, du lịch, giáo dục và đào tạo.

- Giảm chi phí kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ. Đánh giá lại khả năng cung cấp dịch vụ và mức giá dịch vụ để có hướng giảm bớt chi phí sản xuất nhằm tạo môi trường thuận lợi và giảm chi phí đầu vào và chi phí trung gian cho doanh nghiệp, trước hết là giảm giá các hàng hoá và dịch vụ công có tác động làm tăng chi phí sản xuất của hàng hoá và dịch vụ như giá điện, nước, bưu chính viễn thông, năng lượng, cước phí vận tải, phí dịch vụ bến cảng, sân bay, dịch vụ hành chính.

- Quan tâm đúng mức hơn hoạt động và hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, đảm bảo các cơ chế tài chính thích hợp cho cơ quan xúc tiến thương mại; nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại đặc biệt là hoạt động nghiên cứu thị trường, đẩy mạnh xúc tiến thương mại ở cấp Chính phủ, phát triển thương mại điện tử để giảm chi phí tiếp thị.

- Đẩy mạnh cải cách doanh nghiệp, trước hết là doanh nghiệp nhà nước. Có chính sách tiếp thêm sức mạnh cho khu vực tư nhân. Trước mắt, cần có chính sách toàn diện tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển, xoá bỏ các rào cản hạn chế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quản lý nhập khẩu

- Ưu tiên nhập khẩu công nghệ nguồn, nhập khẩu bằng sáng chế phát minh. Xây dựng trung tâm công nghệ cao thu hút đầu tư nước ngoài của các công ty đa quốc gia để từng bước rút ngắn khoảng cách về công nghệ với các nước trong khu vực. Chính phủ cần sớm nghiên cứu và đưa ra chính sách ưu tiên cho loại hình này.

- Đa dạng hoá thị trường nhập khẩu, hạn chế sự phụ thuộc quá mức vào một số thị trường. Trước mắt cần có giải pháp để điều chỉnh một số thị trường nhập siêu trong khu vực châu Á. Giải pháp chủ đạo là đẩy mạnh xuất khẩu vào các thị trường này. Mở rộng nhập khẩu từ các thị trường xuất siêu như EU, Mỹ để tranh thủ công



Máy móc thiết bị nhập khẩu - Ảnh Hòa Tấn

nghệ nguồn.

- Tăng cường kiểm soát nhập khẩu, đặc biệt là hàng tiêu dùng mà trong nước có thể sản xuất được. Đồng thời ngăn chặn việc nhập lậu hàng từ các nước ASEAN và Trung Quốc để bảo vệ hàng sản xuất trong nước.

- Hoàn thiện và xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đối với công nghệ nhập khẩu để hạn chế nhập khẩu công nghệ lạc hậu, công nghệ cũ. Tích cực hợp tác khu vực nhằm hài hoà hoá tiêu chuẩn. Cần tăng cường bảo hộ nhập khẩu hàng hoá theo tiêu chuẩn và kỹ thuật (được WTO thừa nhận) nhằm hạn chế máy móc thiết bị cũ kỹ, lạc hậu có tác động không nhỏ đến hiệu quả vay nợ nước ngoài và tính cạnh tranh ngành và sản phẩm hàng hoá VN.

- Nghiên cứu xây dựng lộ trình cắt giảm thuế quan nhập khẩu đối với các nhóm hàng hiện nay đang có tỷ trọng kim ngạch lớn như bột giấy, linh kiện điện tử, xăng dầu, phân bón, hoá chất ... để thực hiện cam kết hội nhập và khuyến khích các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư vào các ngành này.

3. Cải thiện môi trường đầu tư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Hết sức cân nhắc trong việc lựa chọn các dự án đầu tư, nhất là đầu tư vào những ngành không hiệu quả (tốn kém nhiều nguồn lực hơn để sản xuất ra sản phẩm so với chi phí nhập khẩu sản phẩm tương tự). Đánh giá lại các ngành hiện nay đang sản xuất với chi phí cao hơn giá thế giới và đặt ra những vấn đề về tái cơ cấu, trước hết cần rà soát lại các ngành tập trung nhiều vốn thuộc các doanh nghiệp nhà nước. Trên cơ sở đó đưa ra các phương án cụ thể như: đóng cửa, xây dựng mới, chuyển đổi sở hữu, bổ sung đầu tư.

- Điều chỉnh cơ cấu đầu tư dựa trên việc phân tích, xác định các ngành nghề, sản phẩm có khả năng cạnh tranh vào thời điểm hiện tại và trong tương lai; dựa trên cơ cấu lợi thế so sánh của đất nước, của địa phương, gắn với quy hoạch vùng, lãnh thổ, đặc biệt là quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thống nhất giữa các khu vực và các ngành trên địa bàn.

- Cải thiện môi trường đầu tư để thu hút vốn đầu tư nước ngoài, xem đây là một trong những biện pháp quan trọng để nâng cao trình độ công nghệ và tạo sức ép cải thiện chất lượng lao động, quản lý. Mở rộng hình thức thu hút vốn đầu tư nước ngoài, trước hết là bỏ các hạn chế về hình thức đầu tư đối với dự án trong ngành sản xuất chế tạo hoặc có tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm cao, những hạn chế về vốn góp và huy động vốn. Cụ thể hoá và thu hẹp các lĩnh vực không cấp giấy phép đầu tư và cấp phép đầu tư có điều kiện. Thay thế các yêu cầu xuất khẩu, nội địa hoá, phát triển nguồn nguyên liệu trong nước bằng những công cụ và biện pháp thích hợp.

- Giảm đầu tư từ ngân sách nhà nước vào kinh doanh, trước hết là những ngành đã dư thừa công suất. Chưa đầu tư vào sản phẩm không có năng lực cạnh tranh, không có thị trường tiêu thụ, năng lực sản xuất của các khu vực kinh tế khác đã đủ lớn.

- Cần có các qui định và cơ chế kiểm tra, giám sát chống thất thoát đầu tư, đặc biệt là đầu tư xây dựng cơ bản.

4. Đầu tư phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ

- Nhanh chóng xây dựng chiến lược phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, trước mắt tập trung vào việc đáp ứng đầu vào cho các ngành sản xuất có tỷ trọng xuất khẩu cao như dệt may, da giày, điện tử. Từng bước phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ cho các ngành chế tạo như ô tô, xe máy, công nghệ phần mềm.

- Điều chỉnh chính sách thuế để khuyến khích các doanh nghiệp trong nước đầu tư vào phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ. Có chính sách ưu đãi thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào các ngành công nghiệp phụ trợ như giảm thuế nhập khẩu máy móc, miễn thuế doanh nghiệp trong một thời gian nhất định.

- Từng bước cắt giảm bảo hộ đối với các mặt hàng nguyên nhiên liệu sản xuất trong nước để đưa các doanh nghiệp vào môi trường cạnh tranh, thích ứng với môi trường tự do hoá đang ngày càng mở rộng.

5. Chính sách tỷ giá hối đoái (TGHD)

Từng bước điều chỉnh TGHD linh hoạt theo hướng thị trường. Trước mắt, Nhà nước có thể điều chỉnh

TGHD theo hướng giảm nhẹ giá đồng VN nhằm cải thiện khả năng cạnh tranh quốc tế của hàng VN. Không nên giữ giá đồng nội tệ quá lâu và quá phụ thuộc vào đồng USD. Một số giải pháp cần thực hiện để nâng cao hiệu lực quản lý tỷ giá hối đoái ở nước ta trong thế giới tới là từng bước thực hiện chế độ lưu hành duy nhất VND trên lãnh thổ VN và tạo điều kiện để tiền VN chuyển đổi được; hoàn thiện hệ thống thị trường hối đoái; có sự phối hợp đồng bộ giữa chính sách tỷ giá hối đoái với các chính sách kinh tế vĩ mô khác.

6. Một số giải pháp khác

- Nâng cao hiệu quả quản lý nợ nước ngoài, hạn chế vay thương mại để nhập khẩu hàng tiêu dùng và hàng xa xỉ, nâng cao hiệu quả của các dự án sử dụng vốn vay nước ngoài ODA, phát hành trái phiếu chính phủ ra nước ngoài thu hút kiều hối. Thanh tra các nguồn tài trợ nước ngoài và có chính sách thu hút lâu dài kiều hối.

- Đẩy mạnh xuất khẩu dịch vụ để giảm sức ép đối với thâm hụt cán cân thương mại hàng hoá và có thể mở rộng hơn nhập khẩu cạnh tranh.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế thị trường như là một điều kiện tiên quyết đối với việc thực hiện CNH, HĐH đồng thời làm cho thể chế kinh tế minh bạch hơn, năng động hơn, hạn chế những tệ nạn tiêu cực như tham nhũng, gian lận thương mại. Đây là những nhân tố tích cực để cải thiện cán cân thương mại ■

Chú thích:

[1] SITC = Standard International Trade Classification (Bảng phân loại thương mại quốc tế chuẩn)

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Thương mại, *Báo cáo tình hình thương mại các năm 2001-2007*, Hà Nội.
2. Joseph E. Stiglitz và Shahid Yusuf (2002), *Suy ngẫm lại sự thần kỳ Đông Nam Á* (Sách tham khảo), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Ngân hàng thế giới (2001), *VN đẩy mạnh đổi mới để tăng trưởng xuất khẩu*, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Công (2004), *Chính sách tỷ giá hối đoái trong tiến trình hội nhập kinh tế ở VN*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Võ Trí Thành (2002), *Khả năng chịu đựng cán cân tài khoản vãng lai VN*, NXB Lao động, Hà Nội.
6. Nguyễn Văn Lịch (2005), *Nghiên cứu cán cân thương mại VN trong điều kiện công nghiệp hoá*, NXB Thống kê, Hà Nội.
7. Bộ Công Thương, *Tài liệu Hội nghị tham tán năm 2008*.